TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H M
TỈNH N A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 31/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H M

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thanh Hương
2. Ông Nguyễn Yên Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M, tỉnh N A tham gia phiên toà: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 17/5/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên**: Phạm Tiến Th ;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: N.
Sinh ngày 16/01/1983 tại huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng.
Nơi thường trú: 276 Tô Hiến Th, phường 15, quận 10, Th phố Hồ Chí M.
Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Nghề ngH: Lao động tự do.
Trình độ học vấn: 12/12
Họ và tên cha: Phạm Văn Xơ; Sinh năm: 1959.
Họ và tên mẹ: Vũ Thị T Oanh; Sinh năm: 1960.
Gia đình có 02 anh em; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.
Vợ: Nguyễn Thị Thủy; sinh năm 1982 (đã ly hôn).
Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014.
Tiền án, tiền sự: không
Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ: 26/01/2023 đến 24/02/2023, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên**: Nguyễn Bá L ;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: N.
Sinh ngày 26/8/1997 tại thị xã H M, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Khối T H, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề ngH: Lao động tự do

Trình độ học vấn: 12/12

Họ và tên cha: Nguyễn Bá Hồng; Sinh năm: 1972.

Họ và tên mẹ: Trần Thị Nhung; Sinh năm: 1973.

Gia đình có 03 anh em; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị Xuân; sinh năm 1997.

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ: 25/12/2022 đến 03/01/2023, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên**: Đậu Thị Ch ;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 23/10/1997 tại thị xã H M, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Khối T H, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề ngH: Lao động tự do

Trình độ học vấn: 12/12

Họ và tên cha: Đậu Phi Việt; Đã chết

Họ và tên mẹ: Lê Thị Hương; Sinh năm: 1973.

Gia đình có 04 anh em: Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Chồng: Nguyễn Đức Khải; sinh năm 2000.

Con: Có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo: Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn 13, xã Qu V, thị xã Hoàng Mai, tỉnh N A.

2. Anh Hồ Sỹ N, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối T T, phường Qu Th, thị xã H M, N A.

3. Anh Trần Văn Th1, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, N A.

4. Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, N A.

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối Thịnh Mỹ, phường Qu Th, thị xã H M, N A.

6. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối T H, phường Qu Th, thị xã H M, N A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Phạm Tiến Th có quen biết Đậu Thị Ch trong thời gian C đi làm tại Thành phố Hải Phòng. Do nảy sinh tình cảm yêu đương nên đầu năm 2018, thì C có vào làm việc cho Phạm Tiến Th tại Thành phố Hồ Chí M. Quá trình quen biết C, Th có về quê của C chơi 2 – 3 lần thì có quen biết Nguyễn Bá L và một số người nữa là bạn của C. Đến cuối tháng 09/2021, do dịch COVID nên C có trở về quê tại phường Qu Th, thị xã H M sinh sống một thời gian. Thấy C không có công ăn việc làm nên Th nảy sinh ý định cấp tiền cho C để C cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm thêm thu nhập cho cả Th và C. Th trao đổi với C là ở quê có ai vay tiền không thì Th cấp tiền cho vay để kiếm thêm thu nhập, lãi suất thì từ 3000đ – 4000đ/1.000.000đ/01 ngày. Th thuê C đứng ra cho vay và trực tiếp thu tiền lãi và tiền gốc cho Th với tiền công 6.000.000 đồng/01 tháng thì C đồng ý. Cứ như vậy, khi có người vay tiền thì C sẽ gọi điện trao đổi với Th và thống nhất mức lãi suất 3.000 đ – 4.000 đ /1.000.000 đồng/01 ngày vay. Sau đó Th sẽ chuyển tiền cho C để C cho vay hoặc lấy từ số tiền lãi và gốc C thu được (Th gọi là tiền quỹ) để tiếp tục cho vay. Khi chuyển tiền thì chủ yếu Th và C cắt luôn tiền lãi kỳ đầu tiên (một kỳ là 10 ngày hoặc 15 ngày). Đến cuối tháng 02/2022 do Th phát hiện C có người yêu khác và chi tiêu tiền không hợp lý nên Th đã yêu cầu C gửi lại tiền cho Th, không tiếp tục để C cho vay tiền, thu tiền lãi nữa. Sau đó Phạm Tiến Th đã trao đổi với Nguyễn Bá L về việc thuê L thu tiền lãi từ các khoản vay mà Đậu Thị Ch cho vay trước đó và quản lý cả số tiền gốc và lãi và trả cho L tiền công 6.000.000 đồng/01 tháng. Th đã yêu cầu C chuyển các khoản cho vay và lãi chưa thu được trước đó để cho Nguyễn Bá L thu tiền thay cho C bắt đầu từ tháng 03/2022. Mức lãi suất thì thu như mức lãi suất cũ C đã cho vay. Tiền công hằng tháng Th trả cho L thì L trừ luôn trong số tiền lãi mà L thu được. Đến khoảng tháng 9/2022, Th thấy các khoản vay khó thu lại được tiền gốc nên nói L thu lại cho Th số tiền 200.000.000 đồng thì Th sẽ không tính toán gì với L nữa mà cho L trực tiếp quản lý và thu lợi từ các khoản cho vay trên nhưng L bảo với Th là các trường hợp vay chỉ có tiền trả lãi hằng tháng thôi chứ chưa có tiền gốc trả. L có nói với Th có thể thu tiền lãi hàng tháng được 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và sẽ gửi trả cho Th số tiền 12.000.000 đồng/01tháng, số tiền còn lại là tiền công của L thì Th đồng ý. Sau đó, ngoài thu các khoản tiền nợ, tiền lãi mà C chuyển qua cho L thu thì còn có một số người có nhu cầu vay tiền tiếp trong đó một số trường hợp Th chuyển tiền ra cho L để cho người vay tiền, một số trường hợp thì L lấy tiền lãi thu được (Th gọi là tiền quỹ) cho người vay tiền tiếp, mức lãi suất là 3.000 đ – 4.000 đ /1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay và quy định cứ 01 kỳ (10 ngày hoặc 15 ngày) phải đóng tiền lãi một lần. Các trường

hợp này, L đều trao đổi thống nhất với Th trước khi cho vay tiền. Khi cho vay thì hầu hết Th và L sẽ cắt luôn tiền lãi kỳ đầu tiên. Phạm Tiến Th sử dụng tài khoản ngân hàng 19132032788011 (ngân hàng Techcombank), Nguyễn Bá L sử dụng số tài khoản số 0866057490, ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB bank), Đậu Thị Ch sử dụng số tài khoản số 9991997789, ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB bank) để thực hiện chuyển và nhận tiền liên quan đến hoạt động cho vay tiền. Phạm Tiến Th sử dụng 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số thuê bao 0975.666.688 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đỏ có số thuê bao 0964.888.866; Đậu Thị Ch sử dụng 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng gold có số thuê bao 0974.831.290; Nguyễn Bá L sử dụng 01 điện thoại nhãn hiệu 7 plus màu vàng gold có số thuê bao 0866.057.490 để liên lạc trao đổi việc cho vay lãi nặng với nhau. Bằng hình thức trên thì Phạm Tiến Th cùng với Đậu Thị Ch và Nguyễn Bá L đã cho một số người dân vay tiền, thu lãi suất cụ thể như sau:

Phạm Tiến Th và Đậu Thị Ch cho vay tiền, thu tiền lãi như sau:

1. Lê Sỹ T, sinh năm 1996, trú tại thôn 13, xã Qu V, thị xã H M, tỉnh N A vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

- Ngày 06/12/2021, Lê Sỹ T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển cho C 48.500.000 đồng để C cho T vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 06/12/2021 đến ngày 09/03/2022 (93 ngày) thì số tiền lãi T phải trả là 13.950.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa Th và C được phép thu là 2.547.945 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 13.950.000 đồng -2.547.945đồng =**11.402.055** đồng. Th và C đã thu số tiền lãi là 9.000.000 đồng. T còn nợ số tiền lãi 4.950.000 đồng và nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2021, Lê Sỹ T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển cho C 19.400.000 đồng để C cho T vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 20/12/2021 đến ngày 09/03/2022 (79 ngày) thì số tiền lãi T phải trả là 4.740.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa Th và C được phép thu là 865.753 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 4.740.000 đồng - 865.753 đồng = **3.874.247** đồng. Th và C đã thu số tiền lãi là 3.600.000 đồng. T còn nợ số tiền lãi 1.140.000 đồng và nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi T phải trả cho Th và C là 18.690.000 đồng. Tuy nhiên Th và C chỉ mới thu được tổng số tiền lãi là **12.600.000 đồng**. Hiện nay, T còn nợ số tiền lãi là 6.090.000 đồng và nợ tiền gốc là 70.000.000 đồng (Tiền nợ gốc Th đã chuyển sang cho Nguyễn Bá L thu). Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và C từ

khoản vay của Lê Sỹ T là **11.402.055** đồng + **3.874.247** đồng **= 15.276.302** đồng. Số tiền nợ gốc Th đã chuyển sang cho L tiếp tục thu tiền lãi tiếp theo và tiền nợ gốc.

2. Hồ Sỹ N, sinh năm 1999, trú tại khối T T, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

- Ngày 07/03/2022, Hồ Sỹ N vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 4000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay tương đương mức lãi suất là 146%/năm. Th đã chuyển tiền cho C để C chuyển cho N 9.400.000 đồng. Đến ngày 21/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 07/03/2022 đến ngày 21/03/2022 (14 ngày) thì số tiền lãi N phải trả là 560.000 đồng nhưng thực tế Th và C đã cắt trước của N **600.000** đồng . Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 76.712 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 600.000 đồng - 76.712 đồng = **523.288** đồng. Th đã cắt trước số tiền lãi của N còn tiền nợ gốc 10.000.000 đồng N chưa trả. Số tiền nợ gốc Th đã chuyển sang cho L tiếp tục thu tiền lãi tiếp theo và tiền nợ gốc.

3. Trần Văn Th1, sinh năm 1997, trú tại khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

Ngày 07/01/2022, Trần Văn Th1 vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển tiền cho C để C chuyển cho Th1 vay 5.000.000 đồng. Đến ngày 21/2/2022 thì Th1 trả tiền gốc. Tính từ ngày 07/01/2022 đến ngày 21/2/2022 (45 ngày), Th1 phải trả số tiền lãi 45 ngày là 675.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa Th và C được phép thu là 123.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 675.000 đồng – 123.000 đồng = **552.000** đồng. Th1 đã trả số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh của khoản vay là **675.000 đồng**.

4. Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1998, trú tại khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

- Ngày 17/12/2021, Nguyễn Bá Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã thống nhất cho C lấy từ số tiền quỹ chuyển cho Đ số tiền 19.100.000 đồng cho Đ vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 09/03/2022 (82 ngày) thì số tiền lãi Đ phải trả là 4.920.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 898.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính của C và Th là 4.920.000 đồng - 898.630 đồng **= 4.021.370** đồng.

- Ngày 18/12/2021, Nguyễn Bá Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển tiền cho C để C chuyển cho Đ 9.550.000 đồng. Đến ngày

10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 18/12/2021 đến ngày 09/03/2022 (81 ngày) thì số tiền lãi Đ phải trả là 2.430.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 443.835 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 2.430.000 đồng - 443.835 đồng = **1.986.165** đồng.

- Ngày 20/12/2021, Nguyễn Bá Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển tiền cho C để C chuyển cho Đ 9.550.000 đồng. Đến ngày 30/1/2022 thì Đ đã trả số tiền gốc này. Tính từ ngày 20/12/2021 đến ngày 30/01/2022 (42 ngày) thì số tiền lãi Đ phải trả là 1.260.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 230.136 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 1.260.000 đồng - 230.136 đồng = **1.029.864** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi Đ phải trả cho Th và C là 8.610.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 1.572.601 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 4.021.370 đồng + 1.986.165 đồng + 1.029.864 đồng = 7.037.399 đồng. Nhưng trên thực tế thì Th và C đã thu số tiền lãi của các khoản vay trên là **9.900.000 đồng.** Vì vậy, số tiền thực tế mà Th với C đã thu lợi bất chính đối với các khoản vay trên của Đ là 9.900.000 đồng - 1.572.601 đồng **= 8.327.399 đồng.** Đ đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho C, Đ còn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc Th đã chuyển sang cho L tiếp tục thu tiền lãi tiếp theo và tiền nợ gốc.

5. Nguyễn Thị M, sinh năm 1997, trú tại khối T H, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

- Ngày 24/11/2021, Nguyễn Thị M vay 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển cho C 10.000.000 đồng để C chuyển cho M vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 24/11/2021 đến ngày 09/03/2022 (105 ngày) thì M phải trả tiền lãi là 3.150.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 575.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 3.150.000 đồng- 575.342 đồng= **2.574.658** đồng.

- Ngày 07/12/2021, Nguyễn Thị M vay 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển 18.000.000 đồng cho C cộng với 2.000.000 đồng lấy từ quỹ C giữ để chuyển cho M vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày 09/03/2022 (92 ngày) thì M phải trả tiền lãi là 5.520.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 1.008.219 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 5.520.000 đồng - 1.008.219 đồng **= 4.511.781** đồng.

- Ngày 05/3/2022, Nguyễn Thị M vay 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th

đã chuyển cho C 9.550.000 đồng để C chuyển cho M vay. Đến ngày 10/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ ngày 05/3/2022 đến ngày 09/03/2022 (04 ngày) thì M phải trả tiền lãi là 120.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 21.917 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 120.000 đồng- 21.917 đồng**= 98.083** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi M phải trả cho Th và C là 8.790.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 1.605.478 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và C là **7.184.522** đồng. Hiện nay, M đã trả cho Th và C tiền lãi là **8.000.000 đồng**, đồng thời Th có cắt trước 1 lần số tiền lãi là **450.000** đồng. Vì vậy Th và C đã thu được tổng số tiền lãi là **8.450.000 đồng.** M còn nợ số tiền lãi là 340.000 đồng và nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc Th đã chuyển sang cho L tiếp tục thu tiền lãi tiếp theo và tiền nợ gốc.

6. Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, trú tại khối Thịnh Mỹ, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và C như sau:

Ngày 15/1/2022, anh Nguyễn Văn H vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển 7.550.000 đồng cho C cộng với 2.000.000 đồng lấy từ quỹ C giữ để chuyển cho H vay. Đến ngày 01/3/2022, Th đã chuyển khoản vay trên cho L tiếp tục thu lãi. Tính từ 15/1/2022 đến ngày 28/2/2022 (44 ngày) thì H phải trả tiền lãi là 1.320.000 đồng. Nhưng thực tế Th và C đã thu lãi từ khoản vay trên của H được 1.800.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 241.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và C là 1.800.000 đồng - 241.000 đồng đồng**= 1.559.000** đồng.

Như vậy tổng số tiền Phạm Tiến Th và Đậu Thị Ch đã cho Lê Sỹ T, Hồ Sỹ N, Trần Văn Th1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H vay là 175.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền trên bao gồm: 151.000.000 đồng là Th chuyển cho C, còn lại 24.000.000 đồng là lấy từ quỹ của hoạt động cho vay mà Th để cho C giữ. Tổng số tiền Phạm Tiến Th và Đậu Thị Ch thu lợi bất chính là:**15.276.302** đ + **523.288** đ + **552.000** đ + **8.327.399** đ + **7.184.522** đ + **1.559.000** đ = **33.422.511 đồng.** Tính tổng tiền lãi thực tế Th và C thu được là: 34.025.000 đồng, trong đó tổng số tiền lãi Th và C cắt trước là 5.400.000 đồng, còn 28.625.000 đồng là số tiền lãi mà các người vay trên sau đó đã trả cho Th và C. Toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi C thu được thì Th đã trừ luôn tiền lương của C là 24.000.000 đồng còn lại một phần thì đã được sử dụng để cho vay, còn lại bao nhiêu thì C đã chuyển cho Th hết.

Tổng số tiền Đậu Thị Ch đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 33.422.511 đồng

Phạm Tiến Th và Nguyễn Bá L cho vay tiền, thu tiền lãi như sau:

1. Lê Sỹ T, sinh năm 1996, trú tại thôn 13, xã Qu V, thị xã H M, tỉnh N A vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Ngày 10/03/2022, Đậu Thị Ch chuyển số tiền anh T đang vay sang cho L thu tiền gốc và tiền lãi cho Th. Số tiền gốc anh T vay từ C chuyển cho L thu là 70.000.000 đồng, lãi suất theo quy định cũ. Tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 25/12/2022 (290 ngày) thì T phải trả số tiền lãi là 60.900.000 đồng. T đã trả được tổng số tiền lãi là **21.000.000 đồng**. T còn nợ số tiền lãi là 39.900.000 đồng và nợ tiền gốc là 70.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa Th và L được phép thu là 11.123.287 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 60.900.000 đồng - 11.123.287 đồng**= 49.776.713** đồng.

2. Hồ Sỹ N, sinh năm 1999, trú tại khối T T, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Ngày 22/03/2022, Đậu Thị Ch chuyển số tiền anh N đang vay sang cho L thu tiền gốc và tiền lãi cho Th. Số tiền gốc anh N vay từ C chuyển cho L thu là 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đ - 4.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5 - 146%/năm. Tính theo lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay từ ngày 22/03/2022 đến ngày 11/08/2022 (142 ngày) thì N phải trả tiền lãi là 5.680.000 đồng; tiền lãi theo quy định được phép thu là 778.082 đồng. Tính theo lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay từ ngày 12/08/2022 đến ngày 25/12/2022 (136 ngày) là 4.080.000 đồng; tiền lãi quy định được phép thu là 745.205 đồng. Tổng tiền lãi từ ngày 22/03/2022 đến ngày 25/12/2022 là 9.760.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.523.287 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **8.236.713** đồng.

- Ngày 22/04/2022, Hồ Sỹ N vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.000 đ - 4.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5 - 146%/năm. Th đã thống nhất cho L lấy từ số tiền quỹ chuyển cho N 9.400.000 đồng. Tính theo lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay từ ngày 22/04/2022 đến ngày 11/08/2022 (111 ngày) thì N phải trả tiền lãi là 4.440.000 đồng; số tiền lãi theo quy định được phép thu là 608.219 đồng. Đến ngày 12/8/2022 thì Th và L thống nhất tính lãi cho N 3000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay. Tính theo lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay từ ngày 12/08/2022 đến ngày 25/12/2022 (136 ngày) là 4.080.000 đồng; số tiền lãi theo quy định được phép thu là 745.205 đồng. Tổng tiền lãi từ ngày 22/04/2022 đến ngày 25/12/2022 là **8.520.000** đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.353.424 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **7.166.576** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi N phải trả là 9.760.000 đồng + 8.520.000 đồng = 18.280.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 2.876.711 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 18.280.000 đồng - 2.876.711 đồng **= 15.403.289** đồng. Hiện nay, Th và L đã thu được tổng số tiền lãi là **9.600.000 đồng**, N còn nợ số tiền lãi là 8.680.000 đồng và nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

3. Trần Văn Th1, sinh năm 1997, trú tại khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Vào ngày 15/03/2022, Trần Văn Th1 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển cho L số tiền 9.550.000 đồng và L đã chuyển số tiền trên cho Th1 vay. Tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày 20/4/2022 (35 ngày) thì Th1 phải trả số tiền lãi là 1.050.000 đồng. Th1 đã trả xong tiền lãi và tiền nợ gốc khoản vay 10.000.000 đồng này. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 191.780 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 1.050.000 đồng - 191.780 đồng **= 858.220** đồng.

- Ngày 29/04/2022, Trần Văn Th1 vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 9 109,5%/năm. Th đã thống nhất để L lấy trong số tiền quỹ và đưa tiền mặt cho Th1 vay 9.550.000 đồng. Tính từ ngày 29/4/2022 đến ngày 02/9/2022 (126 ngày) thì Th1 phải trả số tiền lãi là 3.780.000 đồng. Th1 đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh của khoản vay. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 690.410 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 3.780.000 đồng - 690.410 đồng **= 3.089.590** đồng.

- Ngày 04/10/2022, Trần Văn Th1 vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã thống nhất để L lấy trong số tiền quỹ chuyển cho Th1 9.550.000 đồng. Tính từ ngày 04/10/2022 đến ngày 05/10/2022 (01 ngày) thì Th1 phải trả số tiền lãi là 30.000 đồng. Nhưng thực tế Th và L đã cắt lãi trước đó số tiền 450.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 5.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 450.000 đồng - 5.479 đồng = **444.521** đồng.Th1 đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh của khoản vay.

Như vậy, tổng số tiền lãi Th1 phải trả là **4.860.000 đồng,** nhưng thực tế Th và L đã thu được số tiền lãi là **5.280.000 đồng**. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 887.669 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **4.392.331** đồng. Hiện nay, Th1 đã trả toàn bộ tiền lãi và nợ tiền gốc.

4. Nguyễn Thị M, sinh năm 1997, trú tại khối T H, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Ngày 10/03/2022, Đậu Thị Ch chuyển số tiền chị M đang vay sang cho L thu tiền gốc và tiền lãi cho Th. Số tiền gốc chị M vay của C chuyển cho L thu là 40.000.000 đồng, lãi suất theo quy định cũ. Tính từ ngày 10/03/2022 đến ngày 25/12/2022 (290 ngày) thì M phải trả tiền lãi là 34.800.000 đồng. M đã trả một số tiền lãi, nhưng không nhớ là bao nhiêu, chưa trả tiền gốc 40.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 6.356.164 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 34.800.000 đồng - 6.356.164 đồng = **28.443.836** đồng.

- Ngày 15/3/2022, Nguyễn Thị M vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã chuyển cho L số tiền 9.550.000 đồng và L đã chuyển số tiền trên cho M vay. Tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày 21/4/2022 (37 ngày) thì M phải trả số tiền lãi là **1.110.000** đồng. M đã trả số tiền lãi và tiền nợ gốc khoản vay 10.000.000 đồng này. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 202.739 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 1.110.000 đồng - 202.739 đồng = **907.261** đồng.

- Ngày 02/7/2022, Nguyễn Thị M vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th thống nhất để L lấy trong số tiền quỹ chuyển cho M vay 10.000.000 đồng. Tính từ ngày 02/7/2022 đến ngày 25/12/2022 (176 ngày) thì M phải trả số tiền lãi là **5.280.000** đồng. M đã trả một số tiền lãi khoản vay này và chưa trả tiền nợ gốc. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 964.383 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 5.280.000 đồng - 964.383 **= 4.315.617** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi M phải trả là 41.190.000. đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 7.523.286 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **28.443.836** đồng + **907.261** đồng + **4.315.617** đồng = **33.666.714** đồng. Hiện nay, Th và L đã thu được số tiền lãi từ các khoản vay của M là **37.650.000 đồng**. Như vậy, M còn nợ 3.540.000 đồng tiền lãi, nợ gốc là 50.000.000 đồng

5. Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, trú tại khối Thịnh Mỹ, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Tháng 03/2022, Đậu Thị Ch chuyển số tiền anh H đang vay sang cho L thu tiền gốc và tiền lãi cho Th. Số tiền gốc anh H vay từ C là 10.000.000 đồng, lãi suất theo quy định cũ. L bắt đầu tính thu tiền nợ gốc và tiền lãi của anh H từ ngày 01/3/2022. Ngày 16/3/2022, H đã trả tiền lãi định kỳ 15 ngày (01/3/2022 -15/3/2022) phải đóng số tiền 450.000 đồng của khoản vay 10.000.000 đồng, còn tiền nợ gốc 10.000.000 đồng thì H đã gửi trả cho C. Tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 15/3/2022 (15 ngày) thì H phải trả số tiền lãi là **450.000** đồng. H đã trả số tiền lãi khoản vay

này. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 450.000 đồng - 82.192 đồng = **367.808** đồng.

- Ngày 02/7/2022, H tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. Th đã thống nhất để L lấy từ trong tiền quỹ chuyển cho H số tiền 9.550.000 đồng. Tính từ 02/7/2022 đến ngày 25/12/2022 (176 ngày) thì H phải trả tiền lãi là 5.280.000 đồng. Th và L đã thu được tổng số tiền lãi là: 3.150.000 đồng. Vì vậy, H còn nợ tiền lãi là **2.130.000** đồng và tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 964.383 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 5.280.000 đồng - 964.383 đồng = **4.315.617** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi H phải trả là 5.730.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 1.046.575 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **4.683.425** đồng. Hiện nay, H đã trả tiền lãi là **3.600.000** đồng, còn nợ số tiền lãi là 2.130.000 đồng và nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.

6. Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1998, trú tại khối T S, phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A đã vay tiền, trả tiền lãi cho Th và L như sau:

- Tháng 03/2022, Đậu Thị Ch chuyển số tiền anh Đ đang vay sang cho L thu tiền gốc và tiền lãi. Số tiền gốc anh Đ vay từ C chuyển qua là 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. L bắt đầu tính thu tiền nợ gốc và tiền lãi của anh Đ từ ngày 10/3/2022. Ngày 18/5/2022, Đ đã trả tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Ngày 31/5/2022, Đ trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và trả hết nợ tiền lãi của khoản vay này. Từ ngày 10/3/2022 đến 18/5/2022 (69 ngày) Đ phải đóng tiền lãi cho khoản vay 30.000.000 đồng là 6.210.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.134.246 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th là 6.210.000 đồng - 1.134.246 đồng = **5.075.754** đồng. Từ ngày 19/5/2022 đến 31/5/2022 (13 ngày) Đ phải đóng tiền lãi cho khoản vay 20.000.000 đồng là 780.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 142.466 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 780.000 đồng - 142.466 đồng = **637.534** đồng.

- Ngày 4/4/2022, Đ tiếp tục hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng. L đã gọi điện báo Th và thống nhất với Th lấy từ số tiền quỹ cho Đ vay với lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. L đã chuyển tiền cho Đ 2 lần, mỗi lần 9.550.000 đồng. Tức là đã cắt luôn lãi suất 900.000 đồng cho khoản vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 13/6/2022, Đ đã chuyển trả 20.000.000 đồng khoản vay trên. Từ ngày 04/4/2022 đến 13/6/2022 (70 ngày) Đ phải đóng tiền lãi cho khoản vay 20.000.000 đồng là 4.200.000 đồng. Theo quy định

của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 767.123 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th là 4.200.000 đồng - 767.123 đồng = **3.432.877** đồng.

- Ngày 29/4/2022, Đ tiếp tục hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng. L đã gọi điện báo Th và thống nhất với Th lấy từ số tiền quỹ cho Đ vay với lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. L đã chuyển tiền cho Đ 9.550.000 đồng. Tức là đã cắt luôn lãi suất 450.000 đồng. Ngày 31/05/2022, Đ đã trả số tiền gốc 9.700.000 đồng (trong số tiền 29.700.000 đồng Đ chuyển cho L), vì trước đó L có đi ăn và sửa điện thoại nợ Đ số tiền 300.000 đồng nên Đ đã trừ luôn số tiền trên và chỉ trả cho L 9.700.000 đồng. Từ ngày 29/4/2022 đến 31/05/2022 (32 ngày) Đ phải đóng tiền lãi cho khoản vay 10.000.000 đồng là 960.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 175.343 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 960.000 đồng - 175.343 đồng = **784.657** đồng.

- Ngày 16/6/2022, Đ tiếp tục hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng. L đã gọi điện báo Th và thống nhất với Th lấy từ số tiền quỹ cho Đ vay với lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất là 109,5%/năm. L đã chuyển tiền cho Đ 2 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Ngày 20/6/2022, Đ đã chuyển cho L tiền lãi 15 ngày của khoản vay trên là 900.000 đồng. Đến ngày 02/7/2022, Đ đã chuyển trả 20.000.000 đồng khoản vay trên. Từ ngày 16/6/2022 đến 02/7/2022 (16 ngày) Đ phải đóng tiền lãi cho L khoản vay 20.000.000 đồng là 960.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 175.343 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Th và L là 960.000 đồng - 175.343 đồng = **784.657** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi Đ phải trả cho Th và L là 13.110.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi theo quy định pháp luật cho phép là 2.394.521 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Th và L là **10.715.479** đồng. Hiện nay, anh Đ đã trả hết số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho các khoản vay trên. Trong đó, vào các ngày 20/4/2022, Đ đã chuyển cho L 2.100.000 đồng tiền lãi; ngày 8/5/2022, Đ đã chuyển cho L 1.350.000 đồng tiền lãi; ngày 18/5/2022, Đ đã chuyển cho L số tiền lãi là 1.800.000 đồng trong số tiền 11.800.000 Đ chuyển cho L; ngày 20/6/2022, Đ chuyển cho L 900.000 đồng tiền lãi. Còn một số khoản tiền lãi khác thì Đ đã trừ nợ luôn của L ăn uống với sửa chửa điện thoại ở Đ.

Như vậy: Tổng số tiền Th và L đã cho Lê Sỹ T, Hồ Sỹ N, Trần Văn Th1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H vay là 120.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền trên bao gồm: 20.000.000 đồng là Th chuyển cho L, còn lại 100.000.000 đồng là L lấy từ quỹ của hoạt động cho vay. Tổng số tiền Th và L thu lợi bất chính là: **49.776.713** đồng + **15.403.289** đồng + **4.392.331** đồng + **33.666.714** đồng + **4.683.425** đồng + **10.715.479** đồng = **118.637.951 đồng.**Tổng số tiền lãi thực tế mà

Th và L thu lợi được là: 92.040.000 đồng (bao gồm cả khoản vay C chuyển sang), trong đó tổng số tiền lãi Th và L cắt trước là 4.200.000 đồng, còn 87.840.000 đồng là số tiền lãi mà các người vay trên sau đó đã trả cho L.Toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi L thu được thì Th đã trả luôn tiền lương của L là 48.000.000 đồng còn lại một phần thì đã được sử dụng để cho vay, còn lại bao nhiêu thì L đã chuyển cho Th hết.

Tổng số tiền Nguyễn Bá L đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 118.637.951 đồng

Tổng số tiền Phạm Tiến Th thu lợi bất chính khi cấp tiền để cho C và L cho vay lãi nặng là 33.422.511 đồng + 118.637.951 đồng = 152.060.462 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 17 tháng 4 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M đã truy tố Phạm Tiến Th và Nguyễn Bá L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 - BLHS, truy tố Đậu Thị Ch về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 điều 201 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 58 điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến Th 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 58; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 – BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 15 tháng 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập bị cáo mỗi tháng từ 600.000đ đến 800.000đ trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng gold, Số IMEI: 356567085617098. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có số thuê bao 0866057490 thu giữ của Nguyễn Bá L; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng gold, Số IMEI: 353902104934211. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có số thuê bao 0974.831.290 thu giữ của Đậu Thị Ch.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Truy thu từ bị cáo Phạm Tiến Th số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng); và **32.881.808đ** (Ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm linh tám đồng), là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm để tịch thu, sung quỹ nhà nước; truy thu từ anh Lê Sỹ T số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); truy thu từ anh Hồ Sỹ N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); truy thu từ chị Nguyễn Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vay của Phạm Tiến Th nhưng chưa trả cho Phạm Tiến Th.

Đề nghị truy thu bị cáo C số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) và bị cáo L số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) .

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS: Buộc bị cáo Phạm Tiến Th trả lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo thu lợi bất chính là **91.340.530đ** (chín mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, năm trăm ba mươi đồng), cần buộc các bị cáo trả lại tổng số tiền trên cho người vay theo khoản 2 Điều 47 - BLHS, cụ thể:

Buộc bị cáo Phạm Tiến Th trả lại cho anh Lê Sỹ T số tiền **19.153.015đ** (Mười chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn, không trăm mười lăm đồng); trả lại cho anh Hồ Sỹ N số tiền **7.246.577đ** (Bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng); trả lại cho anh Trần Văn Th1 số tiền **4.944.331đ** (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng); trả lại cho anh Nguyễn Bá Đ số tiền **19.042.896**đ (Mười chín triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền **36.971.286**đ (Ba mươi sáu triệu, chín trăm bay mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền **4.112.425đ** (Bốn sáu triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Phạm Tiến Th, Đậu Thị Ch, Nguyễn Bá L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đ diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với đơn đề nghị của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được trong thời gian cuối tháng 9/2021, Phạm Tiến Th thuê Đậu Thị Ch, Nguyễn Bá L thực hiện hành vi cho anh Lê Sỹ T, anh Hồ Sỹ N, anh Trần Văn Th1, anh Nguyễn Bá Đ, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, lãi suất cho vay từ 3.000 đồng - 4.000/1.000.000 đồng/01 ngày/01 triệu. Mỗi tháng Th trả công cho C và L mỗi người 6.000.000 đồng. Đậu Thị Ch phải chịu trách nhiệm

hình sự với số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 33.422.511 đồng, Nguyễn Bá L phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 118.637.951 đồng, Phạm Tiến Th phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 152.060.462 đồng, nên hành vi của các bị cáo Phạm Tiến Th, Nguyễn Bá L, Đậu Thị Ch đã đầy đủ yếu tố cấu Th tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Phạm Tiến Th, Nguyễn Bá L thu lợi bất chính với số tiền trên 100.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 - Bộ luật hình sự. Đậu Thị Ch thu lợi bất chính với số tiền trên 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 - Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc trường ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích hám lợi và Th1 độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Xét vai trò của từng bị cáo thì bị cáo Th là người trực tiếp bỏ tiền thuê bị cáo L, bị cáo C đứng ra thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính, bị cáo L, bị cáo C đóng vai trò giúp bị cáo Chinh thực hiện việc cho vay và thu tiền lãi, tiền gốc. Do đó bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu tiên trong vụ án. Bị cáo L là người trực tiếp nhận tiền từ bị cáo Th cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc số tiền thu lợi bất chính lớn nên có vai trò cao hơn so với bị cáo C.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước khi xét xử bị cáo L và bị cáo Th đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả mà hành vi phạm tội của mình gây ra, sau khi sự việc được phát hiện bị cáo Th đã lên cơ quan Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1; 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cũng cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đối với bị cáo Phạm Tiến Th, Nguyễn Bá L đáng ra cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới

đủ sức răng đe giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên xem xét các bị cáo quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã Th khẩn khai báo, nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân; vì vậy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà tiếp tục giao cho gia đình và địa phương quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt như đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát cũng đã đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo cũng như đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Đậu Thị Ch có vai trò thấp hơn các bị cáo khác phạm tội không có tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự số tiền thu lợi bất chính không lớn, nên cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt như đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát cũng đã đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo cũng như đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo vừa sinh con xong, không có công ăn việc làm, hiện tại và thời gian sắp tới bị cáo sẽ không có thu nhập nên không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo như đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo C mới sinh con không có thu nhập, bị cáo Th, bị cáo L làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Sỹ T, anh Hồ Sỹ N, anh Trần Văn Th1, anh Nguyễn Bá Đ, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H đều yêu cầu bị cáo Th trả lại số tiền lãi trên 20% mà bị cáo Th đã thu lợi bất chính, xét yêu cầu của những người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng gold, Số IMEI: 356567085617098. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có số thuê bao 0866057490 thu giữ của Nguyễn Bá L; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng gold, Số IMEI: 353902104934211. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có số thuê bao 0974.831.290 thu giữ của Đậu Thị Ch; đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng xám, số IMEI: 355385072954767, không lắp thẻ sim thu giữ trong quá trình bắt giữ khám xét khẩn cấp Nguyễn Bá L. Qua xác M, đây là điện thoại của chị Nguyễn Thị Xuân (vợ của L), chiếc điện thoại không liên quan đến việc phạm tội của Nguyễn Bá L. Cơ quan CSĐT Công an thị xã H M đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Xuân là đúng quy định pháp luật.

[8] Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù các bị cáo Phạm Tiến Th, Nguyễn Bá L, Đậu Thị Ch đều thực hiện hành vi cho vay, thu tiền gốc, tiền lãi suất, tuy nhiên đối với các bị cáo Nguyễn Bá L, Đậu Thị Ch đều thực hiện việc cho vay, thu tiền lãi đều chuyển lại cho bị cáo Phạm Tiến Th việc cho vay cũng nhận tiền từ Phạm Tiến Th để cho người khác vay. Các bị cáo chỉ nhận được tiền công hàng tháng từ bị cáo Th do đó bị cáo Phạm Tiến Th là người phải chịu trách nhiệm đối với tất cả các khoản vay.

Quá trình điều tra đã chứng M được Phạm Tiến Th đã cho Lê Sỹ T, Hồ Sỹ N, Trần Văn Th1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H vay với tổng số tiền gốc là 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng). Cụ thể cho anh Nguyễn Bá Đ vay tổng cộng 90.000.000đ anh Đ đã trả hết tiền gốc, anh Lê Sỹ T vay số tiền 70.000.000đ hiện nay đang nợ 70.000.000 đồng, anh Hồ Sỹ N vay số tiền là 20.000.000đ hiện nay đang nợ 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị M vay số tiền là 60.000.000đ đã trả được 10.000.000đ tiền gốc hiện nay đang nợ 50.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H vay số tiền là 20.000.000đ đã trả được 10.000.000đ hiện nay nợ 10.000.000 đồng, anh Trần Văn Th1 vay tổng cộng 35.000.000đ anh Trần Văn Th1 đã trả hết tiền gốc. Xét khoản tiền gốc mà bị cáo Th đã cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước tổng số tiền trên, cụ thể: Truy thu từ bị cáo Phạm Tiến Th số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng); truy thu từ anh Lê Sỹ T số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); truy thu từ anh Hồ Sỹ N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); truy thu từ chị Nguyễn Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với khoản tiền mà bị cáo Th trả công cho bị cáo C số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) và trả tiền công cho bị cáo L số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) để L, C làm cho Th các thủ tục cho vay và thu lãi suất đây là việc làm trái pháp luật nên cũng cần phải truy thu từ bị cáo L và bị cáo C.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm mà bị cáo Phạm Tiến Th đã thu lợi từ những người vay tổng số tiền là **32.881.808đ** (Ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm linh tám đồng) cần truy thu để tịch thu, sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo Phạm Tiến Th thu lợi bất chính của những người vay gồm Lê Sỹ T, Hồ Sỹ N, Trần Văn Th1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H với tổng số tiền **91.340.530đ** (chín mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, năm trăm ba mươi đồng), cần buộc bị cáo trả lại tổng số tiền trên cho những người vay theo khoản 2 Điều 47 - BLHS, cụ thể:

Buộc bị cáo Phạm Tiến Th trả lại cho anh Lê Sỹ T số tiền **19.153.015đ** (Mười chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn, không trăm mười lăm đồng); trả lại cho anh Hồ Sỹ N số tiền **7.246.577đ** (Bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng); trả lại cho anh Trần Văn Th1 số tiền **4.944.331đ** (Bốn triệu, chín

trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng); trả lại cho anh Nguyễn Bá Đ số tiền **19.042.896**đ (Mười chín triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền **36.971.286**đ (Ba mươi sáu triệu, chín trăm bay mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền **4.112.425đ** (Bốn sáu triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng).

[9] Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 58, điểm i, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Tiến Th 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2023) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2023) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Giao bị cáo Phạm Tiến Th cho UBND phường 15, quận 10, Th phố Hồ Chí M giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Bá L cho UBND phường Qu Th, thị xã H M, N A giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đậu Thị Ch 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội " cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đậu Thị Ch.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Đậu Thị Ch được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã H M nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đậu Thị Ch cho UBND phường Qu Th, thị xã H M, tỉnh N A giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 – BLTTHS; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tôi cao.

Truy thu từ bị cáo Phạm Tiến Th số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và 32.881.808đ (Ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm linh tám đồng) (tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm). Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Phạm Tiến Th là 177.881.800đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm linh tám đồng) được trừ vào số tiền đã tạm giữ của bị cáo là 40.000.000đ đang được gửi giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H M, tỉnh N A theo biên lai thu tiền số 0002823 ngày 26/5/2023, bị cáo Phạm Tiến Th còn phải nộp số tiền 137.881.800 (Một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm linh tám đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu từ bị cáo Đậu Thị Ch số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) và bị cáo Nguyễn Bá L số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo Nguyễn Bá L được trừ vào số tiền tạm giữ của bị cáo là 10.000.000đ đang tạm gửi tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H M, tỉnh N A theo biên lai thu tiền số 0002822 ngày 25/5/2023, bị cáo Nguyễn Bá L còn phải nộp thêm số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng)

Truy thu từ anh Lê Sỹ T số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); truy thu từ anh Hồ Sỹ N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); truy thu từ chị Nguyễn Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Tiến Th hoàn trả lại tổng số tiền 91.340.530đ (chín mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, năm trăm ba mươi đồng), cho những người vay, cụ thể:

Trả lại cho anh Lê Sỹ T số tiền 19.153.015đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn, không trăm mười lăm đồng); trả lại cho anh Hồ Sỹ N số tiền 7.246.577đ (Bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng); trả lại cho anh Trần Văn Th1 số tiền 4.944.331đ (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng); trả lại cho anh Nguyễn Bá Đ số tiền 19.042.896đ (Mười chín triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 36.971.286đ (Ba mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 4.112.425đ (Bốn triệu, một trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS;điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án): Buộc các bị cáo Phạm Tiến Th, Nguyễn Bá L, Đậu Thị Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh N A trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã H M ;
- VKSND thị xã H M;
- VKSND tỉnh N A;
- Chi cục THADS thị xã H M;
- Tòa án nhân dân tỉnh N A;
- Sở tư pháp tỉnh N A;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy